TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1549/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31/10/2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Lê Vũ Thúy Hằng.

2/ Bà Phan Thanh Minh.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 136/2016/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4778/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Hữu T, sinh năm 1961.
Địa chỉ: Đường M, phường N, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thu Ba T, sinh năm 1961.
Quốc tịch: Việt Nam.
Địa chỉ: USA.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 15/3/2016, bản tự khai ngày 03/6/2016 của nguyên đơn ông Ngô Hữu T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 1923 quyển số 08 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2007. Sau khi kết hôn bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc, còn ông vẫn sống ở Việt Nam. Ông và bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) không sống chung

với nhau. Từ khi bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) về Hoa Kỳ thì hai vợ chồng ít liên lạc với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông làm đơn gửi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Ông Ngô Hữu T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Ngô Hữu T khai không có.

Ngày 25 tháng 10 năm 2017, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 549/UTTPDS-TA30 về việc ủy thác tư pháp gửi Đại sứ quán Việt Nam tại Hợp chúng quốc Hoa Kỳ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 08 giờ 00 phút ngày 23 tháng 5 năm 2018, lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 13 tháng 6 năm 2018 và xét xử công khai lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 24 tháng 7 năm 2018, xét xử công khai lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 16 tháng 8 năm 2018. Trường hợp Tòa án không nhận được văn bản thông báo về kết quả không có mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt thì phiên tòa lần thứ hai diễn ra vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 31/10/2018 đối với bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T).

Ngày 24/7/2018, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn số 4207/TATP-TGĐVNCTN gửi cho Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ yêu cầu Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ thông báo kết quả ủy thác tư pháp đối với bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 24/10/2018, nguyên đơn ông Ngô Hữu T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công tác xa.

Bị đơn bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn. Ông Ngô Hữu T được ly hôn với bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) đang cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét ông Ngô Hữu T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) đã được Tòa án nhân Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Ngô Hữu T và bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của ông Ngô Hữu T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 1923 quyển số 08 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2007 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Ngô Hữu T và bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, theo lời khai của ông T thì hai vợ chồng không sống chung, bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) trở về Hoa Kỳ sinh sống, còn ông T sống ở Việt Nam. Từ khi về Hoa Kỳ đến nay, hai vợ chồng ông T đã không còn liên lạc với nhau. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng ông Ngô Hữu T và bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp nên ông T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Ông Ngô Hữu T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Ông Ngô Hữu T khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Ngô Hữu T phải chịu theo quy định tại theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm

2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009.

Chi phí tố tụng khác: Ông Ngô Hữu T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Ông T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm c Khoản 5 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Hữu T.

Quan hệ hôn nhân: Ông Ngô Hữu T được ly hôn với bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T).

Giấy chứng nhận kết hôn số 1923 quyển số 08 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2007 cho ông Ngô Hữu T và bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn ông Ngô Hữu T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng ông T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/006002 ngày 07/4/2016 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Ông Ngô Hữu T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định. Ông T đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày ông Ngô Hữu T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với bà Nguyễn Thu Ba T (Nguyen Thu Ba T) thời hạn kháng cáo bản án là 12 (Mười hai) tháng kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM:

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**